

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số 84/TB-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023)

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
1	2.000355.000.00.00.H23	Toàn trình	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (08 TTHC)	Một phần =1 Toàn trình =7
2	2,000,751	Một phần	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		
3	1.001653.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
4	1.001606.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm		
5	1.001607.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
6	1.001608.H23	Toàn trình	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		
7	1.001609.H23	Toàn trình	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình		
8	1.001699.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		
9	1.010833.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (01 TTHC)	CCTTTT= 1
10	1.000132.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Phòng, chống tệ nạn xã hội (02 TTHC)	CCTT trực tuyến=1 Toàn trình = 1
11	1.010941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện		
12	1.004941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
13	1.004944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (06 TTHC)	CCTTTT= 6
14	1.004946.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		
15	2.001942.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
16	2.001944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
17	2.001947.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
18	1.004492.000.00.00.H23	Một phần	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (05 TTHC)	Một phần = 5
19	1.004485.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
20	2.001810.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).		
21	1.004443.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
22	1.004441.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
23	1.002192.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	Dân số - Sức khỏe sinh sản (02 TTHC)	CCTTTT = 1 Một phần = 1
24	2.001088.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		
25	2.000794.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (01 TTHC)	Toàn trình = 1
26	1.008901.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện (03 TTHC)	Một phần = 2 Toàn trình = 1
27	1.008902.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
28	1.008903.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		
29	1.003622.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (03 TTHC)	Toàn trình = 3
30	1.000954.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm		
31	1.001120.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		
32	2.002400.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (04 TTHC)	Một phần = 3 Toàn trình = 1
33	2.002401.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập		
34	2.002402.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình		
35	2.002403.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Thực hiện việc giải trình		
36	1.000775.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua - khen thưởng (05 TTHC)	Toàn trình = 5
37	2.000346.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề		
38	2.000337.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất		
39	1.000748.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình		
40	2.000305.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		
41	2.000509.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng		
42	1.001028.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
43	1.001055.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Tôn giáo Chính phủ (10 TTHC)	Một phần = 2 Toàn trình = 8
44	1.001078.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
45	1.001085.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
46	1.001090.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
47	1.001098.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		
48	1.001109.000.00.00.H23	Toàn trình	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		
49	1.001156.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
50	1.001167.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
51	1.005412.000.00.00.H23	Một phần	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (01 TTHC)	Một phần = 1
52	1.008603.000.00.00.H23	Một phần	Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách Thuế (01 TTHC)	Một phần = 1
53	1.010736.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường (02 TTHC)	CCTTTT = 1 Toàn trình = 1
54	1.004082.000.00.00.H23	Toàn trình	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích		
55	1.003596.000.00.00.H23	Toàn trình	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp (01 TTHC)	Toàn trình= 1
56	2.002161.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		
57	2.002162.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
58	2.002163.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Phòng, chống thiên tai (05 TTHC)	CCTTTT = 2 Một phần = 3
59	1.010091.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.		
60	1.010092.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		
61	2.002226.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (03 TTHC)	Một phần = 3
62	2.002227.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thay đổi tổ hợp tác		
63	2.002228.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
64	1.003440.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi (03 TTHC)	Một phần = 3
65	1.003446.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		
66	2.001621.000.00.00.H23	Một phần	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)		
67	1.008004.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt (01 TTHC)	Toàn trình = 1
68	DBX001	Một phần	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ	Một phần = 2
69	DBX002	Một phần	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
70	1.004088.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Đường thủy nội địa (09 TTHC)	Một phần= 9
71	1.005040.000.00.00.H23	Một phần	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		
72	1.004047.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa		
73	1.004036.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		
74	1.004002.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		
75	1.003970.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		
76	1.006391.000.00.00H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.		
77	1.003930.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		
78	2.001659.000.00.00.H23	Một phần	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		
79	1.003554.000.00.00.H23	Toàn trình	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (01 TTHC)	Toàn trình = 1
80	2.002409.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết KN (01 TTHC)	Một phần = 1
81	2.002396.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (01 TTHC)	Toàn trình = 1
82	1.010945.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (01 TTHC)	Toàn trình = 1
83	2.002501.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Xử lý đơn thư tại cấp xã	Xử lý đơn thư (01 TTHC)	Toàn trình = 1

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
84	2.002165.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường NN (01 TTHC)	Một phần = 1
85	2.000908.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (11 TTHC)	Một phần = 8 Toàn trình = 3
86	2.000815.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
87	2.000884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		
88	2.001035.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		
89	2.001019.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực di chúc		
90	2.001016.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
91	2.001406.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
92	2.001009.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
93	2.000913.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
94	2.000927.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
95	2.000942.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
96	1.001193.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh		
97	2.002516.000.00.00.H23	Một phần	Xác nhận thông tin hộ tịch		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
98	1.008977.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)		
99	1.008978.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)		
100	1.008979.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		
101	1.008980.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007		
102	1.008981.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh		
103	1.008982.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		
104	1.008985.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
105	1.008986.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Hộ tịch (35 TTHC)	CCTTTT = 15 Một phần = 15 Toàn trình = 5
106	1.008988.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		
107	HTX017	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
108	HTX018	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
109	HTX019	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh		
110	HTX024	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần		
111	HTX025	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
112	HTX030	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú		
113	1.000894.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn		
114	1.001022.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con		
115	1.000689.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		
116	1.000656.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử		
117	1.003583.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động		
118	1.000593.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động		
119	1.000419.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động		
120	1.004837.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ		
121	1.004845.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		
122	1.004859.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
123	1.004873.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
124	1.004884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		
125	1.004772.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
126	1.004746.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
127	1.005461.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai tử		
128	2.000635.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch		
129	2.000986.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
130	2.001023.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
131	2.001263.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (02 TTHC)	Một phần = 1 Toàn trình= 1
132	2.001255.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
133	2.001457.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật (06 TTHC)	Một phần= 1 Toàn trình = 5
134	2.001449.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật		
135	2.000930.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thôi làm hòa giải viên		
136	2.002080.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
137	2.000333.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
138	2.000373.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận hòa giải viên		
139	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ xung cho LL thường trực của quân đội	Động viên quân đội	
140	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ xung cho LL thường trực của quân đội		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
141	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, QNCN, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	Bảo hiểm xã hội	
142	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	Dân quân tự vệ	
143	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết		
144	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Đăng ký NVQS	
145	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký trong ngạch dự bị		
146	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ xung		
147	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
148	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
149	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng		
150	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục miễn gọi nhập ngũ thời chiến		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
151	Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	Chính sách	
152	Ngành dọc Quân sự Theo QĐ 1291/QĐ-TTg	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc(đối tượng từ trần)		
153	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký thường trú	Cư trú (12 TTHC)	
154	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Xóa đăng ký thường trú		
155	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký tạm trú		
156	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã		
157	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Gia hạn tạm trú		
158	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Tách hộ		
159	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú		
160	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú		
161	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Xác nhận thông tin về cư trú		
162	Ngành dọc Công an	Cung cấp thông tin trực tuyến	Xóa đăng ký tạm trú		

STT	MÃ TT	MỨC ĐỘ DVC	TÊN DANH MỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	Ghi chú
163	Ngành dọc Công an	1	Khai báo tạm vắng		
164	Ngành dọc Công an	1	Thông báo lưu trú		

Ghi chú: Cấp xã có 138 TTHC
Toàn trình: 48 TTHC
Một phần: 63 TTHC
Cung cấp TT trực tuyến: 27 TTHC
Có : 17 TTHC Liên thông